

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2013/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 10 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ đối với cán bộ,
công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND, UBND năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10/4/2013 của Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số: 356/TTr-SNV ngày 20/9/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định tiêu chuẩn, chức trách nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 336/2004/QĐ-UB ngày 21/6/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn tỉnh Lào Cai./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2013/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ của cán bộ và công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Lào Cai (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức cấp xã).

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Cán bộ cấp xã bao gồm các chức vụ sau:

- a) Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy;
- b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- c) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- d) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- e) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- f) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- g) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam);
- h) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Công chức cấp xã bao gồm các chức danh sau:

- a) Trưởng Công an;
- b) Chỉ huy trưởng Quân sự;
- c) Văn phòng - thống kê;
- d) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);
- e) Tài chính - kế toán;
- f) Tư pháp - hộ tịch;
- g) Văn hoá - xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Việc bố trí, tuyển dụng cán bộ, công chức cấp xã phải đảm bảo đủ các tiêu chuẩn quy định;
2. Cán bộ, công chức cấp xã là công bộc của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, không ngừng rèn luyện phẩm chất, đạo đức, học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.
3. Cán bộ, công chức cấp xã chịu sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng, bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ và phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Chương II**TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP XÃ****Điều 4. Tiêu chuẩn chung**

1. Cán bộ cấp xã phải đáp ứng những tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 6, Chương II, Nghị định 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.
2. Về độ tuổi tham gia công tác: Yêu cầu phải đảm bảo theo hướng dẫn quy hoạch cán bộ, cơ cấu nhân sự của tổ chức ngành dọc Trung ương, đồng thời phù hợp với quy định hiện hành của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội.
3. Về tiếng dân tộc thiểu số: Đối với những địa bàn công tác cần phải sử dụng tiếng dân tộc thiểu số trong hoạt động công vụ thì cán bộ cấp xã phải biết giao tiếp ít nhất một thứ tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn công tác đó.

Điều 5. Tiêu chuẩn cụ thể

1. Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy:
 - a) Tuổi đời: Không quá 50 tuổi đối với nam, 45 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu (trừ trường hợp đã giữ chức vụ tương đương trở lên).
 - b) Trình độ Văn hóa (học vấn): Tốt nghiệp trung học phổ thông;
 - c) Trình độ Lý luận chính trị: Tốt nghiệp trung cấp trở lên;
 - d) Trình độ Chuyên môn nghiệp vụ:
 - Đối với xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I: Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên;
 - Đối với xã, phường, thị trấn thuộc khu vực II, III:
 - + Có trình độ sơ cấp chuyên môn (hoặc tương đương) trở lên;
 - + Nếu tham gia giữ chức vụ lần đầu phải tốt nghiệp trình độ từ trung cấp chuyên môn trở lên.

e) Kiến thức bổ trợ: Đã qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, quản lý hành chính nhà nước, quản lý kinh tế.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND và Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND:

a) Tuổi đời: Không quá 50 tuổi đối với nam, 45 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu (trừ trường hợp đã giữ chức vụ tương đương trở lên).

b) Trình độ Văn hóa (học vấn): Tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Trình độ Lý luận chính trị:

- Đối với các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I: Có trình độ từ trung cấp trở lên.

- Đối với các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực II, III: Phải được bồi dưỡng Lý luận chính trị tương đương trình độ sơ cấp trở lên;

d) Trình độ Chuyên môn nghiệp vụ (yêu cầu ngành chuyên môn phải phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng loại hình đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn):

- Đối với các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I: Có trình độ từ trung cấp chuyên môn trở lên;

- Đối với các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực II, III:

+ Có trình độ sơ cấp chuyên môn (hoặc tương đương) trở lên;

+ Nếu tham gia giữ chức vụ lần đầu phải tốt nghiệp trình độ từ trung cấp chuyên môn trở lên.

e) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý hành chính nhà nước, Quản lý kinh tế. Riêng chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phải được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động đại biểu HĐND cấp xã.

3. Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam, Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:

a) Tuổi đời:

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không quá 55 tuổi đối với nam, không quá 50 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu;

- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam không quá 50 tuổi đối với nam, 45 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu (trừ trường hợp đã giữ chức vụ tương đương trở lên);

- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam không quá 60 tuổi khi tham gia giữ chức vụ lần đầu, trường hợp đã nghỉ hưu không quá 65 tuổi khi tham gia giữ chức vụ;

- Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh không quá 35 tuổi khi tham gia giữ chức vụ, trường hợp thuộc vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, đối tượng chính sách thì không quá 37 tuổi khi tham gia giữ chức vụ.

b) Trình độ văn hóa (học vấn):

- Đối với các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I: Phải tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên, nếu tham gia lần đầu phải tốt nghiệp trung học phổ thông (trừ trường hợp đã giữ chức vụ tương đương trở lên);

- Đối với các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực II, III: Phải tốt nghiệp tiểu học trở lên, nếu tham gia lần đầu phải tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên (trừ trường hợp đã giữ chức vụ tương đương trở lên);

c) Trình độ Lý luận chính trị: Có trình độ sơ cấp và tương đương trở lên;

d) Trình độ Chuyên môn nghiệp vụ: Đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tương đương trình độ sơ cấp trở lên thuộc lĩnh vực công tác đảm nhiệm.

Chương III

TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 6. Tiêu chuẩn chung

Công chức cấp xã phải đáp ứng tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 3, Chương II, Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

Điều 7. Tiêu chuẩn cụ thể

1. Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên;

2. Trình độ văn hóa (học vấn): Tốt nghiệp trung học phổ thông;

3. Tin học: Trình độ A trở lên (sử dụng thành thạo và được cấp chứng chỉ);

4. Về tiếng dân tộc thiểu số: Đối với những địa bàn công tác cần phải sử dụng tiếng dân tộc thiểu số trong hoạt động công vụ thì phải giao tiếp thành thạo ít nhất một thứ tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn công tác đó. Nếu khi tuyển dụng mà chưa đảm bảo tiêu chuẩn này thì chậm nhất là 36 tháng sau khi tuyển dụng phải hoàn thành;

5. Quản lý hành chính nhà nước và Lý luận chính trị: Chậm nhất 36 tháng sau khi được tuyển dụng phải được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình đối với chức danh công chức cấp xã hiện đảm nhiệm;

6. Trình độ chuyên môn đối với từng chức danh:

a) Công chức Trưởng Công an (không áp dụng đối với Công an chính quy): Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về Công an từ trung cấp trở lên và đảm bảo các tiêu chuẩn khác quy định tại Điều 4, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

b) Công chức Chỉ huy trưởng Quân sự: Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ Quân sự cơ sở từ trung cấp trở lên và đảm bảo các tiêu chuẩn khác quy định tại Khoản 3, Điều 17, Chương IV, Thông tư Liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10/4/2013 của Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng;

c) Công chức Văn phòng - thống kê: Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên, thuộc nhóm chuyên ngành: Văn thư - lưu trữ, hành chính, luật, pháp lý, sư phạm Văn - Sử, xã hội - nhân văn, thống kê, kinh tế, nội vụ, công nghệ thông tin;

d) Công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã): Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên thuộc nhóm chuyên ngành: Địa chính, Quản lý đất đai, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Nông Lâm nghiệp, Môi trường (đối với nơi có khu công nghiệp, khai thác mỏ quy mô lớn).

e) Công chức Tài chính - kế toán: Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên, thuộc nhóm chuyên ngành Tài chính, Kế toán, Ngân hàng;

f) Công chức Tư pháp - hộ tịch: Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên, thuộc nhóm chuyên ngành Luật, Pháp lý.

g) Công chức Văn hoá - xã hội: Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên thuộc nhóm chuyên ngành: Văn hóa - nghệ thuật - thông tin - thể dục thể thao - du lịch (đối với nơi có du lịch), Lao động - thương binh Xã hội.

Chương IV

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 8. Đối với cán bộ cấp xã

Cán bộ cấp xã thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Chương II, Quyết định 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

Điều 9. Đối với công chức cấp xã

Công chức cấp xã tùy từng chức danh cụ thể thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định tại Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Chương I, Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

Chương V

QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP

Điều 10. Đối với những trường hợp bố trí, tuyển dụng mới hoặc tiếp nhận, điều động từ nơi khác đến thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc bố trí, tuyển dụng, điều động theo đúng tiêu chuẩn quy định tại văn bản này.

Điều 11. Đối với cán bộ, công chức cấp xã hiện đang công tác

1. Những trường hợp đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định này thì giữ nguyên vị trí công tác và tiếp tục thực hiện quản lý, quy hoạch cán bộ theo quy định của pháp luật.

2. Những trường hợp không đủ tiêu chuẩn theo quy định này thì căn cứ thẩm quyền, cơ quan quản lý cán bộ, công chức có trách nhiệm:

a) Cử đi đào tạo, đào tạo lại (đối với những trường hợp trong độ tuổi đào tạo) và bồi dưỡng để đảm bảo tiêu chuẩn quy định, nâng cao năng lực thực tiễn;

b) Điều chuyển vị trí công tác đảm bảo phù hợp về chuyên môn nghiệp vụ và các tiêu chuẩn quy định;

c) Giải quyết chế độ, chính sách cho thôi việc, nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm triển khai hướng dẫn thực hiện Quy định này;

2. Chủ trì, phối hợp với các huyện, thành phố, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định này;

Điều 13. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố

UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn quản lý; tổ chức thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, bố trí, tuyển dụng, sử dụng và giải quyết các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã theo phân cấp, đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ để nghiên cứu giải quyết)./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh